

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 48/2021/HS-ST

Ngày: 18 - 5 - 2021

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn An

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Thành và Bà Trần Thị Hải Thương

-Thư ký phiên tòa: Ông Đào Hùng Thái - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài tham gia phiên tòa: Bà Châu Thị Ngọc - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 5 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài mở phiên tòa xét xử C khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 48/2021/TLST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2021/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1996 tại Yên Bái; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú khu phố 02, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 06/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nam, tôn giáo: Không, Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1974, bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/02/2021 cho đến nay “có mặt”.

Người bị hại:

Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1996; nơi cư trú ấp 8, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “có mặt”.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1979, nơi cư trú tổ 5, khu phố 3, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”.

Người làm chứng:

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1966 “có mặt”;

Bà Bùi Thị H, sinh năm 1964 “vắng mặt”;

Bà Phạm Thị M, sinh năm 1961 “vắng mặt”;

Cùng cư trú tại ấp 8, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Ông Lê Đình Đ, sinh năm 1992; nơi cư trú ấp 7, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”;

Ông Nguyễn Thành C, sinh năm 1997; nơi cư trú thôn 02, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”;

Ông Phan Văn T, sinh năm 1996; nơi cư trú thôn 4, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ 30 phút ngày 28/3/2019, Lê Đình Đ điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Innova biển số 93A-113.17 chở theo Nguyễn Thành C, Phan Văn T và Nguyễn Tuấn A đi từ xã T, huyện B đến thành phố Đ. Khi đến thành phố Đ, cả nhóm vào hồ câu cá Anh T, thuộc khu phố 4, phường T, thành phố Đ để nhậu. Trong lúc ngồi nhậu thì Đ nói cho Tuấn A, C và T biết việc anh Nguyễn Văn T vay của Đ số tiền 7.000.000 đồng từ ngày 08/01/2019 đến nay vẫn chưa trả tiền gốc và tiền lãi. Sau đó, Đ nói với Tuấn A và T là “Một lúc nữa lên gặp nó bọn mày bắt nó bỏ lên xe để nói chuyện” thì T, Tuấn A đồng ý còn C thì Đ không nhờ nên C không nói gì. Nói xong, Đ điện thoại cho anh T hẹn anh T ra quán cà phê gần cầu N, thuộc ấp 8, xã T, thành phố Đ thì anh T đồng ý. Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, Đ điều khiển xe ô tô 93A – 113.17 chở C, T, Tuấn A đến quán cà phê gặp anh T. Khi đến quán cà phê thấy anh T đang ngồi trên võng thì Đ dừng xe ngay lề đường trước quán và mở kính xe để anh T nhìn thấy nhưng không xuống xe. Lúc này, T và Tuấn A xuống xe đi vào quán đứng hai bên cầm tay anh T kéo, đẩy lên xe để anh T ngồi ở giữa hàng ghế thứ hai còn T và Tuấn A ngồi hai bên của anh T. Sau đó, Đ điều khiển xe chạy trên đường Quốc lộ 14 hướng thành phố Đ đi huyện C để đến cầu N. Khi đến giữa cầu N thì Đ dừng sát xe vào thành cầu theo hướng đi của mình. Lúc này, Đ hỏi anh T “Khi nào trả tiền” thì anh T nói 10 ngày sau trả nhưng Đ không đồng ý thì T và Tuấn A đưa anh T xuống xe. Sau đó, C và Đ xuống xe thì T bẻ hai tay anh T về phía sau và nhờ C giữ phụ để T và Tuấn A cởi áo ra trói anh T. Khi T và Tuấn A cởi áo xong thì T và Tuấn A tự giữ tay, chân của anh T rồi dùng áo cột lại còn C thì dùng tay tát anh T 01 cái rồi đứng nhìn. Sau khi trói tay, chân anh T xong, T và Tuấn A khiêng anh T bỏ lên thành cầu giữ khoảng 05 đến 10 giây thì Đ nói bỏ xuống đến nói chuyện thì Tuấn A, T đưa anh T xuống lan can của cầu. Khi này, Đ thấy bà Nguyễn Thị T (là mẹ ruột anh T) đi tới nên Đ nói T và Tuấn A đưa anh T lên xe. Do lúc này, bà T cũng lên xe đi theo để bảo vệ anh T và thấy có một số người dân hướng từ xã T đi tới nên Đ điều khiển xe chạy về hướng xã M. Khi ngồi trên xe, bà T nói Đ đi về nhà bà T sẽ trả tiền cho Đ nên khi đi đến khu vực nhà thờ xã M thì Đ điều khiển xe quay về xã T. Khi Đ vừa quay đầu xe thì thấy có Công an xã M đuổi theo, vì vậy Đ không điều khiển xe chạy vào nhà bà T mà dừng ở quán cà phê nơi bắt giữ anh T và mở cửa xe cho anh T, bà T xuống, sau đó Đ điều khiển xe về để ở Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước. Sau đó Nguyễn Tuấn A, Phan Văn T, Nguyễn Thành C bỏ đi.

Ngày 28/3/2019, Lê Đình Đ đến Công an xã T, thành phố Đ đầu thú.

Ngày 17/6/2019, Nguyễn Thành C đã đến Công an thành phố Đ đầu thú.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Đ đã tạm giữ 01 xe ô tô biển số 93A-11317.

Ngày 17/4/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ ra quyết định xử lý vật chứng trả lại 01 xe ô tô biển số 93A-11317 cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Nguyễn Văn T.

Tại Bản cáo trạng số 57/CT-VKS ngày 20/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ đã truy tố bị cáo Nguyễn Tuấn A về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ vẫn nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Anh T mức án từ 09 đến 12 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Do người bị hại anh Nguyễn Văn T không có yêu cầu bị cáo Nguyễn Tuấn A phải bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị cáo Nguyễn Tuấn A tại phiên tòa đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến và khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng số 57/CT-VKS ngày 20/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Xét lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng; phù hợp với kết luận điều tra và đã được Hội đồng xét xử thẩm tra công khai tại phiên tòa. Thấy, phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm và phương thức thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Do bức tức trước việc anh Nguyễn Văn T mượn tiền không trả nên khoảng 14 giờ ngày 28/3/2019, sau khi uống rượu tại hồ câu cá “Anh T” thuộc khu phố 4, phường T, thành phố Đ, Lê Đình Đ đã điều khiển xe ô tô biển số 93A - 113.17 chở Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Thành C và Phan Văn T đến quán cà phê gần cầu N để gặp anh T yêu cầu trả tiền. Tại đây Tuấn A và T đi đến gần cầm hai tay của anh T kéo đưa ra xe để Đ điều khiển xe đến cầu N, do T chưa có tiền trả ngay cho Đ nên T bẻ tay của anh T ra phía sau và nói C giữ tay anh T để cởi áo trời tay, chân anh T khiêng bỏ lên thành cầu, sau khi uy hiếp tinh thần anh T, các bị cáo chở anh T và bà Nguyễn Thị T về nhà bà T lấy tiền nhưng do biết Công an xã đuổi theo nên để T và bà T gần quán cà phê ở chân cầu N.

[3] Căn cứ vào hành vi bị cáo Nguyễn Tuấn A thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 157 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ truy tố bị cáo về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Hành vi mà bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm thân thể của người bị hại, là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo biết được rằng bị cáo không có thẩm quyền bắt giữ người, việc bắt giữ người trái pháp luật sẽ bị pháp luật nghiêm trị nhưng để uy hiếp tinh thần anh T và buộc anh T phải trả tiền cho Đ mà bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Chính hành vi cầm hai tay của anh T kéo đưa ra xe để Đ điều khiển xe đến cầu N, sau đó cùng các bị cáo khác chở anh T và bà Nguyễn Thị T về nhà bà T lấy tiền đã xâm phạm đến quyền tự do và thân thể của người bị hại, sau khi phạm tội bị cáo còn bỏ trốn gây khó khăn cho quá trình điều tra, giải quyết vụ án. Vì vậy cần có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi và hậu quả từ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Bị cáo được xem xét các tình tiết giảm nhẹ trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo chưa có tiền án, tiền sự phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, người bị hại cũng có đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ hình phạt theo điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự được Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Đối với Lê Đình Đ, Nguyễn Thành C và Phan Văn T, Tòa án nhân dân thành phố Đ đã đưa các bị cáo ra xét xử tại Bản án số 84/2019/HS-ST ngày 19/8/2019 và Bản án số 67/2020/HS-ST ngày 24/6/2020 nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với anh Nguyễn Văn T, là chủ sở hữu xe ô tô biển số 93A-11317 nhưng không biết việc bị cáo Nguyễn Tuấn A và các đồng phạm dùng chiếc xe làm phương tiện phạm tội nên không đặt vấn đề xử lý.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa người bị hại anh Nguyễn Văn T không yêu cầu bị cáo Nguyễn Tuấn A bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tuấn A phạm tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”

2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều Điều 58 của Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn A 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 10/02/2021.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Do người bị hại không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm:

Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo Nguyễn Tuấn A phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo; người bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước;
- VKSND thành phố Đ;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS Thành phố Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước.
- CA Thành phố Đ;
- Phòng PV 06 C an tỉnh BP;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS-VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

đã ký

Lê Văn An